

Số: /BVNL-VTTBYTCNTT
V/v mời tham gia báo giá
thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa
Nghị Lộc

Đông Lộc, ngày tháng 09 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc năm 2025 (lần 2) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng VTTBYT-CNTT - Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc.
 - Số điện thoại: 0238.3861.643/0931355568.
 - Email: bvnlyphongvttbyt@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Đồng thời theo 2 hình thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc, địa chỉ: xã Nghi Thịnh, Nghị Lộc, tỉnh Nghệ An.
 - Nhận qua email: dauthaubvnl@gmail.com (File PDF và excel).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17h ngày 16 tháng 09 năm 2025 đến trước 07h ngày 26 tháng 09 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 07h ngày 26 tháng 09 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục, nội dung báo giá gồm: Phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo.
- Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:
 - Địa điểm cung cấp: Các khoa phòng được phân bổ thiết bị mua sắm, Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc.

- Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản: Hàng hóa được cung cấp đảm bảo đầy đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và đúng yêu cầu, phù hợp với kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5. Hồ sơ chào giá bao gồm:

- Báo giá: theo mẫu Phụ lục 3.

- Bảng mô tả đáp ứng cấu hình và tính năng kỹ thuật theo mẫu Phụ lục 4.

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan.

- Hợp đồng đã cung cấp thiết bị chào giá (cho các đơn vị nhà nước) trong vòng 12 tháng (nếu có).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa/phòng;
- Tổ truyền thông (Website);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Phúc

PHỤ LỤC 1.
DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ
(Kèm theo Công văn số /BVĐKNL-VTTBYTCNTT ngày 16/09/2025)

1.1. Danh mục hàng hóa

STT	Tên thiết bị y tế	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy chạy thận nhân tạo	Cái	10	Cấu hình chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo
2	Máy điện xung trung tần	Cái	1	
3	Tủ sấy Parafin	Cái	5	
4	Máy siêu âm trị liệu	Cái	1	
5	Máy kéo giãn cột sống	Cái	1	
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Cái	1	
7	Máy điện tim 6 kênh	Bộ	1	
8	Bàn đẽ	Cái	2	
9	Bàn đẽ	Cái	1	
10	Máy theo dõi bệnh nhân sản khoa	Cái	1	
11	Máy đo độ đục	Cái	1	
12	Máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	1	
13	Bộ vi phẫu thanh quản	Bộ	1	
14	Máy sinh hiển vi khám bệnh	Cái	1	
TỔNG: 14 khoản				

1.2. Yêu cầu chung đối với thiết bị.

a) Yêu cầu chung:

- Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau, chất lượng mới 100%.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (có bao gồm tiếng Việt): 01 bộ.

b) Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng.
- Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất.
- Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng.
- Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong ≤ 10 năm kể từ ngày bàn giao.
- Tất cả các hệ thống phần mềm xử lý, phân tích tín hiệu và các thư viện, cơ sở dữ liệu phải có bản quyền sử dụng vĩnh viễn (nếu có).
- Có cam kết chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng khi có yêu cầu.

PHỤ LỤC 2.

CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN CÁC HÀNG HÓA MUA SẮM

(Kèm theo Công văn số /BVĐKNL-VTTBYTCNTT ngày /09/2025)

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy chạy thận nhân tạo	Cái	10
1.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: G7		
	Môi trường làm việc		
	+ Nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$		
	+ Độ ẩm hoạt động tối đa: $\geq 70\%$		
1.2	Cấu hình		
	Máy chính	Cái	01
	Bộ dây dẫn cấp nước	Bộ	≥ 01
	Bộ dây nước thải hoặc dây dẫn cấp nước, nước thải	Bộ	≥ 01
	Cây treo dịch truyền	Cái	≥ 01
	Giá đỡ quả lọc	Cái	≥ 01
	Que hút dịch	Cái/bộ	≥ 01
	Pin dự trữ tích hợp trong máy	Bộ	01
1.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Có các chức năng chương trình		
	Sử dụng được dịch lọc Acetate, Bicarbonat		
	Có chế độ siêu lọc		
	Có chức năng tự động kiểm tra các chức năng của máy trước mỗi ca điều trị		
	Có chức năng đo và giám sát hiệu quả lọc máu (Kt/v)		
	Có chức năng phát hiện rò rỉ máu trong đường dịch lọc (phát hiện vỡ màng lọc)		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Có chức năng phát hiện bọt khí trong máu.		
	Màn hình theo dõi và cài đặt		
	Màn hình màu, kích thước từ ≥ 10 inch trở lên		
	Áp lực hoạt động: ≤ 1.5 đến ≥ 6.0 bar		
	Hệ thống dịch lọc		
	Nhiệt độ dịch: $\leq 35^{\circ}\text{C}$ - $\geq 39^{\circ}\text{C}$		
	Độ dẫn điện của dịch lọc: ≤ 12.8 đến $\geq 15\text{mS/cm}$		
	Độ chính xác: $\leq \pm 0.2$ mS/cm		
	Lưu lượng dịch lọc điều chỉnh được:		
	Lưu lượng thấp ≤ 300 ml/phút,		
	Lưu lượng cao ≥ 800 ml/phút		
	Bơm máu động mạch:		
	Tốc độ bơm: ≤ 50 ml/phút - ≥ 600 ml/phút		
	Độ dao động: $\leq \pm 10\%$		
	Bơm Heparin:		
	Tốc độ truyền: Từ 0- ≥ 9.9 ml/h		
	Theo dõi áp lực máu		
	- Theo dõi hiển thị áp lực động mạch		
	Khoảng hiển thị: ≤ -300 mmHg tới $\geq + 280$ mmHg		
	Dung sai đo lường: $\leq \pm 10$ mmHg		
	- Theo dõi hiển thị áp lực tĩnh mạch		
	Khoảng hiển thị: $\leq - 60$ mmHg tới $\geq + 400$ mmHg		
	Độ chính xác: $\leq \pm 10$ mmHg		
	- Theo dõi hiển thị áp lực xuyên màng		
	Khoảng hiển thị: ≤ -10 mmHg đến $\geq + 500$ mmHg		
	Chức năng siêu lọc		
	Dãy hoạt động: 0 - ≤ 4000 ml/giờ		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Chương trình rửa và khử khuẩn máy		
	Có nhiều chương trình tự động rửa và khử khuẩn khác nhau		
	Có chương trình rửa và khử khuẩn kết hợp với nhiệt độ cao hoặc rửa nước nóng từ nước nóng tại nguồn cấp Hệ thống RO		
2	Máy điện xung trung tần	Cái	01
2.1	Yêu cầu chung		
	Nguồn điện: AC 220V; 50Hz ($\pm 10\%$)		
	Môi trường hoạt động:		
	+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$		
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$		
	Xuất xứ máy chính: Châu Á		
2.2	Cấu hình		
	Máy điện xung kèm phụ kiện tiêu chuẩn, bao gồm:		
	Máy chính	Cái	01
	Dây nguồn	Cái	≥ 01
	Tấm điện cực: Tối thiểu có 2 kích cỡ, mỗi cỡ ≥ 02 cái		
	Túi bỏ điện cực: Tối thiểu 04 cái với kích thước phù hợp với kích thước tấm điện cực		
2.3	Yêu cầu về kỹ thuật		
	Công suất tối đa: $\geq 36\text{VA}$		
	Màn hình hiển thị: LED hoặc tương đương hoặc tốt hơn		
	Đầu ra: Tối thiểu 1 cổng đầu ra		
	Tần số sóng trung tần là $\geq 2\text{kHz}$		
	Tần số: ≤ 1 đến $\geq 150\text{ Hz}$		
	Phác đồ điều trị: ≥ 35 phác đồ		
	Dòng điện đầu ra mỗi kênh $\leq 100\text{mA}$ với điện trở tải $\leq 500\Omega$		
	Kích thước tấm điện cực: Tối thiểu có 2 kích cỡ		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Loại to: Kích thước tối thiểu 92mm x 65mm		
	+ Loại nhỏ: Kích thước tối thiểu 73mm x 46mm		
3	Tủ sấy Parafin	Cái	05
3.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: Châu Á		
3.2	Cấu hình		
	Máy chính:	Cái	≥ 01
	Khay đựng nền:	Cái	≥ 10
3.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Tủ sấy làm bằng Inox, cách nhiệt bằng sợi thủy tinh		
	Số khay nền: ≥ 40 khay		
	Cài đặt nhiệt độ sấy: Từ 20°C đến ≥ 100°C		
	Thời gian sấy: Từ 0 đến ≤ 300 phút		
	Có bánh xe để di chuyển		
4	Máy siêu âm trị liệu	Cái	01
4.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ		
4.2	Yêu cầu cấu hình		
	Máy chính	Cái	≥01
	Đầu dò siêu âm 5cm ²	Cái	≥01
	Gel siêu âm	Lọ	≥01
	Xe đẩy	Cái	≥01
	Dây nguồn	Cái	≥01
4.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Tần số sử dụng bao gồm: 1 Mhz và 3 Mhz		
	Màn hình màu cảm ứng		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Có 2 cổng cắm đầu dò siêu âm		
	Có các chế độ hoạt động xung liên tục		
	Chu kỳ làm việc: tối thiểu có các chu kỳ 10%, 20%, 50% và 100% (liên tục)		
	Tần số xung: có các mức 16, 48 và 100 Hz		
	Công suất hoạt động:		
	Chế độ liên tục: Tối đa $\geq 2 \text{ W/cm}^2$		
	Chế độ xung: Tối đa $\geq 3 \text{ W/cm}^2$		
5	Máy kéo dẫn cột sống	Cái	01
5.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: Châu Á		
5.2	Cấu hình		
	Máy chính	Cái	01
	Bộ phận dừng khẩn cấp	Cái	≥ 01
	Đai kéo cổ	Cái	≥ 01
	Đai kéo lưng	Cái	≥ 01
	Đai kéo giãn vùng ngực	Cái	≥ 01
	Khung kéo cổ trong tư thế ngồi	Cái	≥ 01
	Bàn kéo giãn cột sống lưng	Cái	≥ 01
	Khung cố định vai	Bộ	≥ 01
5.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Điện áp: 220V/50Hz		
	Hành trình kéo cột sống lưng: $0 \sim \leq 300\text{mm}$		
	Hành trình lực kéo chủ động: $0 \sim \leq 200\text{mm}$, hành trình lực kéo đảo ngược: $0 \sim \leq 100\text{mm}$		
	Lực kéo cột sống lưng cho phép điều chỉnh: 0 đến $\leq 990\text{N}$ (hoặc 99kg)		
	Tổng thời gian kéo cho phép cài đặt trong khoảng :0 đến ≤ 99 phút		
	Thời gian kéo: 0 đến ≤ 9 phút		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Thời gian kéo liên tục/ ngắt quãng: 0 đến ≤ 9 phút		
	Lực kéo cột sống cổ cho phép điều chỉnh trong khoảng: ≥ 0 đến $\leq 300\text{N}$ (hoặc 30kg)		
	Hành trình kéo cột sống cổ cho phép trong khoảng: ≥ 0 đến 300mm		
	Phạm vi kéo góc trong khoảng: -10° đến $+30^\circ$		
	Máy có chức năng gia nhiệt trên bề mặt giường		
	Yêu cầu ít nhất: 08 chế độ kéo		
	Có chức năng tự động bù lực kéo		
	Cho phép lưu trữ và đọc các phương thức điều trị: Tối thiểu 20 chương trình		
	Có thiết bị dừng khẩn cấp cho bệnh nhân		
6	Máy theo dõi bệnh nhân	Cái	01
6.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: G7 hoặc Châu Âu		
6.2	Cấu hình		
	Máy chính	Cái	01
	Dây nguồn	Cái	≥ 01
	Bộ đo ECG	Bộ	≥ 01
	Bộ RESP	Bộ	≥ 01
	Bộ đo SPO2	Bộ	≥ 01
	Bộ đo huyết áp không xâm nhập (NIBP) gồm (Bộ cáp và bao huyết áp trẻ em 01 chiếc, bao huyết áp người lớn 01 chiếc).	Bộ	≥ 01
	Bộ đo nhiệt độ	Bộ	≥ 01
	Bộ đo EtCO2	Bộ	≥ 01
	Giấy in nhiệt	Cuộn	≥ 01
	Pin dự phòng/ắc quy	Chiếc	≥ 01
6.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	- Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản: ECG (điện tim), RESP (nhịp thở), SpO2/mạch, NIBP (huyết áp không xâm lấn), TEMP (nhiệt độ).		
	- Màn hình màu ≥ 12 inch, tinh thể lỏng, loại cảm ứng.		
	- Có chức năng phát hiện loạn nhịp, phân tích chứng loạn nhịp tim ST		
	- ECG (điện tim):		
	Số đạo trình: ≥ 3 đạo trình.		
	- RESP (nhịp thở):		
	Phương pháp đo: trở kháng sinh học phổi		
	Dải đo: 0 đến ≥ 150 nhịp/phút		
	- Pulse Rate (nhịp tim):		
	Dải đo: ≤ 30 đến ≥ 200 bpm		
	- TEMP (nhiệt độ):		
	Dải đo: $\leq 5^{\circ}\text{C}$ - $\geq 50^{\circ}\text{C}$.		
	- NIBP (huyết áp không xâm lấn):		
	Phương pháp đo: Dao động kế tự động		
	Dải áp suất cổ tay: 0 đến ≥ 280 mmHg		
	- SpO2 (Nồng độ oxy hòa tan):		
	Dải đo: từ 0 đến $\geq 100\%$		
	Có âm thanh báo hiệu với âm sắc thay đổi theo sự thay đổi của trị số đo SpO2		
	- EtCO2		
	Dải đo: 0 – $\geq 15\%$		
	Tần số thở (awRR): 0 – ≥ 150 lần/phút, sai số ± 1 lần thở		
	Đơn vị hiển thị: mmHg, kPa hoặc %		
	- Hiển thị		
	Hiển thị sóng: nhịp tim, nhịp thở, sóng xung SpO2,		
	Hiển thị số: nhịp tim, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ, ...		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	- Chức năng báo động		
	Các mức báo động: có 3 mức: khẩn cấp, cảnh báo và thông báo		
	Các mục báo động: tín hiệu sống, loạn nhịp		
	Mức báo động tín hiệu sống: nhịp tim, nhịp xung, ST, nhịp thở, ngừng thở, nhiệt độ, SpO2, NIBP,...		
	Chỉ thị báo động: Đèn chỉ thị, âm thanh báo động và đánh dấu tín hiệu		
	- Máy in		
	Phương pháp in: ma trận nhiệt		
7	Máy điện tim 6 kênh	Cái	01
7.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: G7 hoặc Châu Âu		
7.2	Cấu hình		
	Máy chính kèm phần mềm theo máy : 01 cái	Cái	01
	Cáp điện tim: 01 cái	Cái	≥ 01
	Dây nguồn: 01 cái	Cái	≥ 01
	Bộ điện cực ngực: 01 bộ	Bộ	≥ 01
	Bộ điện cực chi: 01 bộ	Bộ	≥ 01
	Giấy in: 01 tệp	Tệp	≥ 01
	Gel điện tim: 01 lọ	Lọ	≥ 01
7.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	- Hiển thị		
	+ Loại màn hình: LCD ≥ 5 inch		
	+ Dạng sóng điện tim: ít nhất 12 đạo trình		
	+ Thời gian thu nhận ECG: ≥ 10 giây		
	- Thu nhận tín hiệu		
	+ Đạo trình điện tim 12 đạo trình tiêu chuẩn		
	+ Chuyển đổi số: ≥ 16 bit		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tần số đáp ứng: Từ ≤ 0.05 Hz đến ≥ 150 Hz		
	- Xử lý tín hiệu		
	+ Tốc độ thu nhập mẫu: ≥ 8.000 mẫu / giây		
	+ Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50/60 Hz		
	+ Bộ lọc nhiễu điện cơ: có ≥ 2 mức lọc		
	+ Có bộ lọc chống trôi		
	- Ghi		
	+ Số kênh tối đa: Tối đa ≥ 6 kênh		
	+ Tốc độ giấy: ≥ 2 mức		
	+ Độ nhảy: ≥ 3 mức		
	+ Ghi đạo trình tối đa: ≥ 3 kênh		
	- Phân tích điện tim		
	+ Chương trình phân tích điện tim: có		
	+ Mục tìm kết quả: ≥ 200 mục		
	- Các tính năng khác		
	+ Lưu trữ: ≥ 40 file ECG		
	+ Có khả năng kết nối và truyền dữ liệu qua máy tính		
	+Ắc qui sạc lại được, có thời gian hoạt động: ≥ 60 phút		
	+ Giấy ghi loại thông dụng, độ rộng giấy ≥ 110 mm		
	+ Cổng giao diện: tối thiểu có ≥ 1 cổng USB		
	+ Có bàn phím đánh chữ		
8	Bàn để	Cái	02
8.1	Yêu cầu chung		
	Nguồn điện cung cấp: 380V; 50 Hz (hoặc 220V; 50Hz) hoặc tương thích với điện áp tại Việt Nam		
	Xuất xứ máy chính: Châu Âu/Châu Á		
8.2	Yêu cầu cấu hình		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Bàn chính với bánh xe di chuyển	Bộ	01
	Bộ điều khiển	Bộ	≥01
	Chậu đựng chất thải	Cái	≥01
	Bộ đỡ chân	Bộ	≥01
	Bộ nắm tay cho sản phụ	Bộ	≥01
	Cọc truyền	Cái	≥01
	Đệm	Bộ	≥01
	Thành chắn 2 bên	Bộ	≥01
8.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Kích thước mặt bàn (Dài *Rộng): $\geq 170\text{cm} * \geq 65\text{cm}$		
	Độ nghiêng phần lưng: $\geq 70^\circ$		
	Góc chân: $\geq 15^\circ$		
	Trendelenburg/ Trendelenburg đảo: $\geq 12^\circ$		
	Động cơ: điện		
	Trọng tải tối đa: $\geq 140\text{Kg}$		
	Chân đế: thép không gỉ hoặc bọc nhựa ABS hoặc tương đương.		
	Bánh xe, kèm hệ thống khoá trung tâm		
9	Bàn đẻ	Cái	01
9.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ: Châu Âu hoặc Châu Mỹ		
9.2	Yêu cầu cấu hình		
	Giường khám phụ khoa	Cái	01
	Đệm	Bộ	≥01
	Bộ đỡ chân sản	Bộ	≥01
	Tay nắm cho bệnh nhân	Bộ	≥01
	Chậu đựng dịch	Cái	≥01
	Điều khiển đạp chân	Cái	≥01

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Đỡ tay	Bộ	≥ 01
9.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Kích thước (Dài x Rộng): $\geq 118 \times \geq 55\text{cm}$		
	Chiều cao điều chỉnh: $\leq 63 - \geq 88\text{cm}$		
	Chỉnh góc lưng: $\geq 60^\circ$		
	Trendelenburg/ Anti Trendelenburg angle: $\geq 15^\circ$		
	Động cơ: điện		
10	Monitor theo dõi sản khoa	Cái	01
10.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: Châu Á		
10.2	Cấu hình		
	- Máy chính	Cái	01
	- Phụ kiện tiêu chuẩn		
	+ Đầu dò theo dõi tim thai	Cái	≥ 02
	+ Đầu dò theo dõi cơn gò tử cung	Cái	≥ 01
	+ Đai thắt cố định	Cái	≥ 03
	+ Vạch đánh dấu chuyển động thai từ xa	Cái	≥ 01
	+ Giấy in	Cuộn/tệp	≥ 02
	+ Gel siêu âm	tuýp/lọ/cái	≥ 01
	+ Nguồn AC/DC	Cái	≥ 01
	+ Dây nguồn	Cái	≥ 01
	+ Máy in	Cái	≥ 01
10.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	- Có khả năng theo dõi:		
	+ Nhịp tim thai		
	+ Chuyển động của thai nhi		
	+ Cơn gò tử cung		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	- Màn hình hiển thị: Màn tinh thể lỏng LCD ≥ 4.7 inch.		
	- Bộ phận ghi:		
	+ Dạng in nhiệt liên tục		
	+ Tốc độ in: 1,2,3 cm/phút.		
	- Chức năng bảo vệ lỗi nguồn: Có		
	- Nhịp đập tim thai (FHR):		
	+ Tín hiệu đầu vào dải nhịp tim của thai nhi: Xung sóng siêu âm doppler		
	+ Tần số sóng siêu âm: $\geq 1.0\text{Mhz}$		
	+ Công suất sóng siêu âm: $<10\text{mW/cm}^2$		
	+ Phương pháp dò tìm FHR: Tự động tương thích		
	+ Dải đo: ≤ 50 đến ≥ 210 nhịp cho mỗi phút (bpm)		
	+ Độ chính xác FHR: $\leq \pm 1$ bpm trên dải FHR bình thường.		
	- Cơ co/cơ gò tử cung: Dải đo: 0 đến ≥ 99 đơn vị		
	- Đo sự chuyển động của thai nhi: Xung sóng siêu âm doppler.		
	- Lưu trữ dữ liệu: Lưu trữ được ≥ 12 giờ.		
	- Máy in: Dạng in nhiệt.		
	- Âm thanh:		
	+ Âm thanh doppler		
	+ Âm thanh báo động		
	+ Âm thanh thông tin		
	- Nguồn điện sử dụng: phù hợp với nguồn điện tại Việt Nam		
	- Môi trường hoạt động: Nhiệt độ hoạt động: ≤ 10 đến ≥ 40 độC, Nhiệt độ tích trữ: ≤ -10 đến ≥ 60 độC		
11	Máy đo độ đục	Cái	01
11.1	Yêu cầu chung		
	-Nguồn điện sử dụng: AC 220V, 50/60Hz		
	Xuất xứ: Châu Âu		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
11.2	Yêu cầu cấu hình		
	Máy chính	Cái	01
	Phụ kiện tiêu chuẩn	Bộ	≥01
	Bộ dung dịch chuẩn đi kèm theo máy	Bộ	≥01
11.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Máy đo độ đục chuẩn McFarland		
	-Hiển thị: màn hình LED hoặc tương đương		
	-Thời gian đo: ≤ 1 giây		
	-Phạm vi nhiệt độ: +4 đến ≥ 40°C		
	-Bước sóng: ≥ 560 ±15nm		
	-Thể tích mẫu: ≥ 1ml		
	Phạm vi đo (Đơn vị McFarland): 0,00 đến ≥ 15,00		
	-Độ chính xác: ≤ ±3%		
	-Nguồn sáng: LED hoặc tương đương		
12	Máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	01
12.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu		
	Điều kiện môi trường làm việc:		
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30°C		
	+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%		
12.2	Yêu cầu cấu hình		
	Máy chính và bộ phụ kiện tiêu chuẩn	Bộ	01
	Máy tính	Bộ	≥01
	Máy in	Cái	≥01
	Bộ lưu điện	Bộ	≥01
	Bộ lọc nước	Bộ	≥01

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Bộ hóa chất chạy thử ban đầu: gồm Urea, ALT, Glucose, Creatinine mỗi loại ≥ 500 xét nghiệm	Bộ	≥ 01
12.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Máy chính		
	Chủng loại: Máy phân tích sinh hóa tự động hoàn toàn, truy nhập ngẫu nhiên với khả năng làm xét nghiệm cấp cứu		
	Công suất tối đa: ≥ 400 xét nghiệm sinh hóa/giờ		
	Hỗ trợ các loại xét nghiệm: điểm cuối, động học, điểm cố định		
	Phương pháp phân tích: tối thiểu gồm so màu, miễn dịch đo độ đục, ngưng kết latex, miễn dịch gắn enzyme		
	Số lượng xét nghiệm cài được trên máy: ≥ 110 xét nghiệm		
	Thẻ tích một lần hút mẫu:		
	+ Tối thiểu $\leq 1,0 \mu\text{l}$		
	+ Tối đa $\leq 25 \mu\text{l}$		
	Thẻ tích một lần hút hóa chất:		
	+ Tối thiểu $\leq 10 \mu\text{l}$		
	+ Tối đa $\leq 250 \mu\text{l}$		
	Tổng thẻ tích phản ứng:		
	+ Tối thiểu $\leq 100 \mu\text{l}$		
	+ Tối đa $\leq 350 \mu\text{l}$		
	Số vị trí để mẫu thử: ≥ 100 vị trí		
	Nhận dạng mẫu thử: bằng Barcode hoặc tương đương		
	Nhận dạng hóa chất: bằng Barcode hoặc tương đương		
	Có chương trình tự động pha loãng trước mẫu thử		
	Có khay cấp cứu riêng biệt được giữ lạnh, có ≥ 20 vị trí để mẫu		
	Có hệ thống giữ lạnh cho khoang hóa chất từ $\leq 4^{\circ}\text{C}$ đến $\leq 12^{\circ}\text{C}$		
	Có hệ thống giữ lạnh cho chất kiểm chuẩn và chất hiệu chuẩn		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Hệ thống phân phối mẫu: tối thiểu Có chức năng nhận biết mức chất lỏng, nhận biết va chạm và nhận biết tắc.		
	Khoang hóa chất: ≥ 75 vị trí		
	Kim hút hóa chất và bệnh phẩm riêng biệt		
	Que khuấy trộn dung dịch phản ứng: ≥ 6 que khuấy		
	Cuvette được làm bằng thủy tinh vĩnh cửu hoặc tương đương, quang lộ: ≤ 5 mm		
	Hệ thống ủ cuvette: ủ nước hoặc ủ dung dịch cách ly		
	Số xét nghiệm làm được đồng thời ≥ 60 loại xét nghiệm sinh hóa		
	Có chức năng tự động rửa cuvette		
	Hệ thống quang học:		
	+ Nguồn sáng: Đèn Halogen hoặc tốt hơn		
	+ ≥ 13 bước sóng và dùng cách tử		
	+ Dải phổ: từ ≤ 340 nm đến ≥ 800 nm		
	+ Dải hấp thụ từ 0 đến $\geq 3,0$ OD		
	Khả năng lưu trữ dữ liệu: ≥ 100.000 mẫu		
	Lượng nước cần để vận hành máy: ≤ 20 lít/giờ		
	Máy tính		
	- CPU: Core i5 hoặc tốt hơn		
	- Ổ cứng: ≥ 450 GB		
	- RAM: ≥ 4 GB		
	- Màn hình: ≥ 19 inch		
	- Chuột, bàn phím: 01 bộ		
	Máy in		
	- Khô giấy in: A4		
	- Tốc độ: ≥ 12 trang/phút		
	- Độ phân giải: $\geq 600 \times 600$ dpi		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Bộ lưu điện		
	- Chủng loại: Online		
	- Công suất: ≥ 6 KVA		
	Bộ lọc nước		
	- Công suất: ≥ 30 lít/giờ		
13	Bộ vi phẫu thanh quản	Bộ	01
13.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ: G7 hoặc Schengen.		
	Sai số kích thước dụng cụ tối đa cho phép: $\leq \pm 5\%$.		
13.2	Yêu cầu cấu hình		
	Bộ dụng cụ gồm 20 chi tiết		
13.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	1. Ống soi treo thanh quản video, tích hợp kênh để gắn ống kính nội soi, cho người lớn và thiếu niên, chiều dài 17 cm $\pm 5\%$, đầu ống mở rộng, đầu ống được thiết kế cong thích hợp cho nâng nắp thanh quản và tối ưu hóa quan sát mép trước thanh quản		
	2. Clip kẹp sáng		
	3. Kênh hút khói		
	4. Ống soi thẳng hướng nhìn 15 độ, đường kính 4mm $\pm 5\%$, dài 17 cm $\pm 5\%$, hấp tiệt khuẩn được, thị kính gập góc 45 độ		
	5. Ống hút đường kính ngoài 2.5 mm $\pm 5\%$, chiều dài làm việc 23 cm $\pm 5\%$		
	6. Ống hút đầu tròn, cong lên trên, đường kính ngoài 3 mm $\pm 5\%$, chiều dài làm việc 23 cm $\pm 5\%$		
	7. Forceps kẹp, không có khóa, hàm răng cưa cong sang phải, có kênh vệ sinh, thẳng, chiều dài làm việc 23 cm $\pm 5\%$		
	8. Forceps kẹp, không có khóa, hàm răng cưa cong sang trái, có kênh vệ sinh, thẳng, chiều dài làm việc 23 cm $\pm 5\%$		

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	9. Forceps kẹp, hàm hình tam giác cong lên phía bên phải, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm $\pm$ 5%		
	10. Forceps kẹp, hàm hình tam giác cong lên phía bên trái, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm $\pm$ 5%		
	11. Forceps vi phẫu thanh quản, thẳng, hàm 2mm hình chén, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23cm $\pm$ 5%		
	12. Forceps vi phẫu thanh quản, cong lên trên, hàm 2 mm hình chén, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23cm $\pm$ 5%		
	13. Kéo cong sang phải, vỏ trơn dần về phía đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23cm $\pm$ 5%		
	14. Kéo vi phẫu thanh quản, cong sang trái, vỏ trơn dần về phía đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm $\pm$ 5%.		
	15. Kéo hàm cong lên 45 độ, vỏ trơn dần về phía đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm $\pm$ 5%		
	16. Cán dùng với lưỡi dao lưỡi liềm		
	17. Dao lưỡi liềm, cong, chiều dài làm việc 23cm $\pm$ 5%		
	18. Giá đỡ ống soi treo thanh quản, gắn vòng kim loại, đường kính 9 cm $\pm$ 5%, dài 34 cm $\pm$ 5%.		
	19. Hộp tiết trùng và bảo quản ống soi, dùng cho 1 ống soi thị kính chéo, có chỗ để adaptor dẫn sáng. Kích thước ngoài: 460 x 80 x 52 mm $\pm$ 5%.		
	20. Hộp tiết trùng và bảo quản dụng cụ, có đục lỗ, nắp trong suốt, 02 tầng, kích thước: 530 x 250 x 145 mm $\pm$ 5%.		
14	Máy sinh hiển vi khám mắt	Cái	01
14.1	Yêu cầu chung		
	Xuất xứ máy chính: G7		
14.2	Cấu hình		
	- Kính hiển vi	Cái	$\geq$ 01

TT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	- Thị kính 10x	Cái	≥ 02
	- Thị kính 15x	Cái	≥ 02
	- Bạt phủ bụi	Cái	≥ 01
	- Tập giấy cài tỳ cầm	Tập	≥ 01
	- Chân bàn hoặc giá đỡ điều khiển bằng động cơ điện	Cái	≥ 01
14.3	Yêu cầu về thông số kỹ thuật		
	Mức phóng đại: ≥ 2 mức		
	Độ rộng khe: $0 - \geq 10\text{mm}$		
	Độ dài khe: $\leq 1 - \geq 10\text{mm}$		
	Khẩu độ khe: tối thiểu ≥ 5 mức		
	Xoay khe: $\pm \geq 90^\circ$ liên tục		
	Khoảng cách làm việc: 100mm		
	Nguồn sáng: LED		
	Cường độ sáng tối đa: ≥ 300.000 lux		
	Di chuyển theo chiều sâu (Vào/Ra): ≥ 15 mm		
	Di chuyển 2 bên (Trái/Phải): ≥ 100 mm		
	Di chuyển theo chiều thẳng đứng (Lên/xuống): $\geq 30\text{mm}$		
	Chiều cao tỳ cầm: $\geq 75\text{mm}$		
	Góc nôi: $\geq 5^\circ$		
	Độ phóng đại tổng/thị trường với thị kính 10x (mm): 10x/ ≥ 22 , 16x/ ≥ 14		
	Độ phóng đại tổng với thị kính 15x: tối thiểu 2 mức		
	Điều chỉnh khoảng cách đồng tử: $\leq 55 - \geq 75$ mm		
	Điều chỉnh Diop: $\pm \geq 6\text{D}$		
	Có tối thiểu ≥ 3 tấm lọc		
	Nguồn điện cho đèn tiêu: 5V		

PHỤ LỤC 3. MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	A									
2	B									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá]*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.*
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.*
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.*
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.*
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.*
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.*
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.*
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.*
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*

PHỤ LỤC 4.
MẪU BẢNG MÔ TẢ ĐÁP ỨNG CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (yêu cầu)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật chào giá	Đáp ứng	Tài liệu tham chiếu	Ghi chú
<u>Ví dụ</u>	Máy chạy thận nhân tạo	1. Yêu cầu chung:				
		Chất lượng máy: Mới 100%	Chất lượng máy: Mới 100%	Có	Cam kết trong đơn chào giá	
		2. Cấu hình				
		- Máy chính : 01 bộ	Máy chính : 01 bộ	Có	Trang 1. Catalogue	
		3. Tính năng kỹ thuật				
		x	aaa	Có	Trang 2. Catalogue	
		y	bbb	Không	Trang 3. Catalogue	
		z	ccc	Có	Trang 4. Catalogue	